HORIBA
Scientific

LAQUA

LAQUA Máy đo chất lượng nước cầm tay Series 200

pH	ORP	Oxy hòa tan	Độ dẫn
Điện trở suất	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	Độ mặn	

METERS 3 YEARS WARRANTY

www.horiba-laqua.com

MADE IN JAPAN

LAQUA 200 Series

Máy đo chất lượng nước cầm tay

Impact Resistant

Quét mã QR để xem video giới thiệu LAQUA 200 Series

VIDEO

Thân thiện, Chống xước, chống va đập và chống trượt

Ngoài khả năng chịu va đập tốt, vật liệu polycarbonate và TPE còn có độ bền lâu và có thể tái chế. Nhựa TPE chống trượt, thuận tiện cho việc sử dụng và giảm hư hỏng do bị mòn.

Màn hình LCD đen trắng lớn

Tất cả các model có màn hình kỹ thuật số đơn sắc LCD (50 x 50 mm), đèn nền là đèn LED màu trắng, thuận tiện cho viêc đọc kết quả trong điều kiện tối

Chế độ "rảnh tay"

Có thể treo máy đo bằng dây đeo cổ tay hoặc dây lanyard. Khi sử dụng, bạn có thể đặt vào vali hoặc treo lên tường.

Kích thước thực của máy đo

Giá đỡ điện cực được tích hợp sẵn

2 đường rãnh trên máy đo đóng vai trò như giá đỡ điện cực.

Đầu nối giúp gắn 2 điện cực với nhau, thuận tiện cho việc nhúng vào cốc đựng dung dịch để đo

Thiết kế tinh gọn

Vỏ máy đo màu đen, làm bằng vật liệu polycacbonat phủ một lớp nhựa TPE. Máy đo nhẹ, thoải mái khi chạm vào và thích hợp cho các ứng dụng đo tại hiện trường.

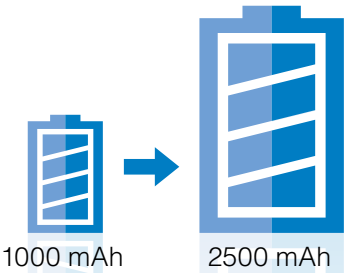

Dung lượng pin cao

Pin AA có công suất lớn hơn pin AAA, tuổi thọ pin tăng 2,5 lần.

Bàn phím 9 nút

Giảm thiểu các nút thao tác, thuận tiện cho việc sử dụng

Chống bụi và chống nước theo tiêu chuẩn IP67

Bảo vệ máy khỏi bụi và có thể ngâm trong nước 30 phút ở độ sâu 1 mét[1]

Tích hợp giá đỡ điện cực có thể gập

Giá đỡ điện cực có thể gập, được tích hợp ở phía sau máy đo, thuận tiện cho việc sử dụng và cất giữ.

Kết nối máy in/ máy tính

Các model 220 đáp ứng tiêu chuẩn GLP: dữ liệu hiệu chuẩn và đo lường được ghi lại cùng với thông tin ngày và thời gian.

Có thể kết nối tất cả các model 220 với máy tính bằng cáp PC (USB)[2] để truyền dữ liệu qua phần mềm hoặc kết nối với máy in HORIBA bằng cáp RS232[2] để in dữ liệu.

[1] Máy đo kết nối điện cực và cổng kết nối được bịt kín
[2] Cáp và máy in được bán rời.

Dễ đọc kết quả

Có thể kiểm tra tình trạng điện cực, độ ổn định kết quả, thông số và nhiệt độ ngay trên màn hình

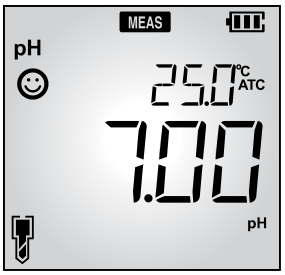

Hiển thị đo pH

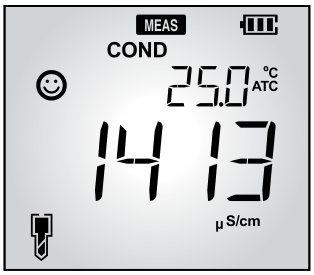

Hiển thị đo độ dẫn

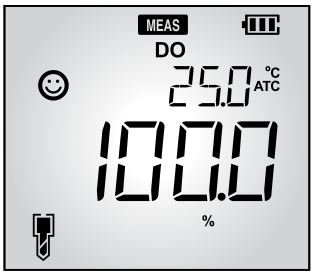

Hiển thị đo DO

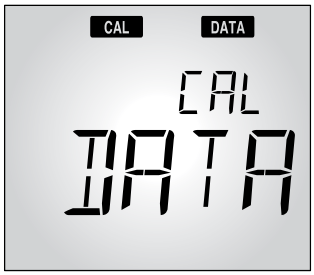

Dữ liệu hiệu chuẩn

Ấn nút CAL và DATA để xem dữ liệu hiệu chuẩn gần nhất

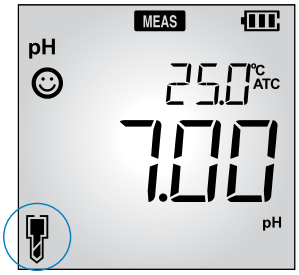

Trạng thái điện cực

Icon này thể hiện tình trạng của điện cực sau khi hiệu chuẩn

Xuất sắc

Tốt

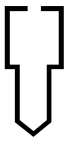

Khá

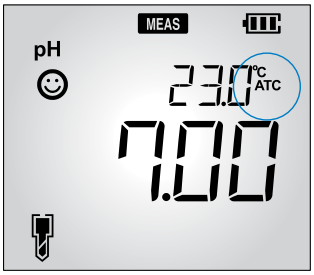

Cảm biến nhiệt độ đã được kết nối

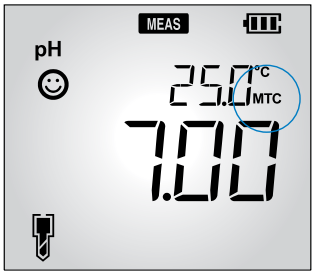

Cảm biến nhiệt độ chưa được kết nối

Tình trạng cảm biến điện cực

ATC: Cảm biến và điện cực đã kết nối
MTC: Cảm biến và điện cực chưa kết nối

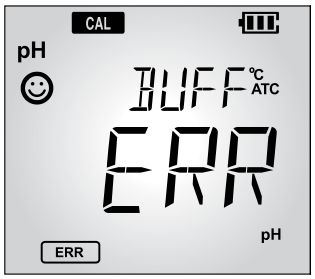

Thông báo tình trạng

Máy đo tự chẩn đoán tình trạng máy và kết quả đo trên màn hình để người dùng nhanh chóng xác định lỗi để khắc phục

Chế độ đo: Auto Stable, Auto Hold, Real Time

Chế độ Auto Stable (AS) - máy đo hiển thị kết quả trực tiếp; ☺ nhấp nháy tới khi kết quả ổn định

Chế độ Auto Hold (AH) - máy đo chỉ hiển thị kết quả ổn định; ☺ nhấp nháy đến khi kết quả ổn định và biểu tượng HOLD sáng lên

Real Time - máy đo trực tiếp hiển thị kết quả; cả ☺ và HOLD ngừng hoạt động

Visit the **HORIBA LAQUA Singapore** Channel on YouTube and subscribe to see more of our videos.

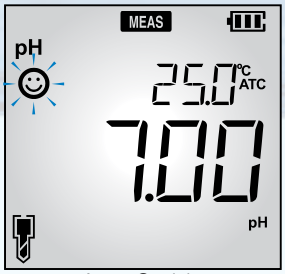

Auto Stable

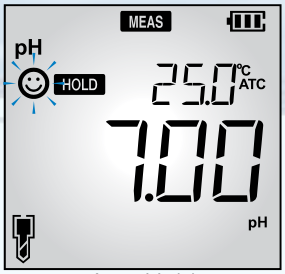

Auto Hold

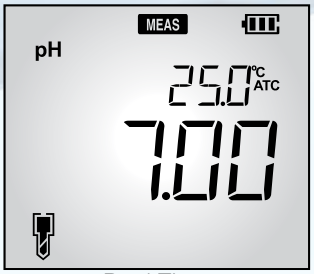

Real Time

Vali đựng chắc chắn

Vỏ bền giúp cố định máy đo, điện cực, dung dịch và phụ kiện ngăn nắp và an toàn trong quá trình đo nhanh ở hiện trường.

IP67

9652-10D / 20D - Điện cực đo pH thân nhựa (có mối nối đôi)		
Model	**9652-10D**	**9652-20D**
Part No.	3200786359	3200786361
Dải đo pH	0 - 14 pH	
Dải đo nhiệt độ	0 - 80 °C	
Vật tiếp xúc lưu chất	Porous sintered polyethylene	
Cảm biến nhiệt độ	Tích hợp sẵn	
Đầu nối	BNC, phono	
Chiều dài và đường kính điện cực	150 x 16 mm	
Chiều dài dây cáp	1.0 m	2.0 m

9301-10D - Điện cực đo ORP thân nhưa, cảm biến phẳng Platinum	
Model	**9301-10D**
Part No.	3200922105
Dải đo ORP	±2000 mV
Dải đo nhiệt độ	0 - 80°C
Vật tiếp xúc lưu chất	Porous sintered polyethylene
Cảm biến nhiệt độ	Integrated
Kết nối	BNC, phono
Chiều dài và đường kính điện cực	110 x 16 mm
Chiều dài dây cáp	1.0 m

9383-10D - Điện cực thân nhựa, cảm biến phẳng Titanium / Platinum	
Model	**9383-10D**
Part No.	3200780927
Hệ số cell	1 cm-1
Dải đo độ dẫn	1 µS/cm to 100 mS/cm
Dải đo nhiệt độ	0 - 80 °C
Cảm biến nhiệt độ	Tích hợp sẵn
Kết nối	BNC, phono
Chiều dài và đường kính điện cực	150 x 16 mm
Chiều dài dây cáp	1.0 m

9552-20D / 50D - Điện cực đo DO		
Model	**9552-20D**	**9552-50D**
Part No.	3200780939	3200780941
Dải đo DO	0 - 20.00 mg/L	
Dải đo nhiệt độ	0 - 50 °C	
Cảm biến nhiệt độ	Tích hợp sẵn	
Kết nối	BNC, phono	
Chiều dài và đường kính điện cực	165 x 30 mm	
Chiều dài dây cáp	2.0 m	5.0 m
Đầu tip thay thế điện cực đo DO / Part No.	5402 / 3200781553	

LAQUA Máy đo chất lượng cầm tay Series 200

Máy đo pH

Model	PH210	PH220
	pH/ORP/Nhiệt độ (°C/°F)	
Dải đo pH	-2.00 to 16.00 pH	
Độ phân giải	0.01 pH	
Độ chính xác	±0.01 pH	
Các điểm hiệu chuẩn	USA & NIST (5 điểm), DIN (6 điểm)	
Nhóm dung dịch chuẩn pH	USA, NIST, DIN	
Dải đo ORP	±2000 mV	
Độ phân giải	0.1 mV (< ±1000 mV), 1 mV (≥ ±1000mV)	
Độ chính xác	±0.3 mV (< ±1000 mV), 0.3% kết quả đọc (≥ ±1000mV)	
Tùy chọn hiệu chuẩn	Có	
Dải đo nhiệt độ	-30.0 to 130.0 °C / -22.0 to 266.0 °F	
Độ phân giải	0.1 °C / °F	
Độ chính xác	± 0.5 °C / ± 0.9 °F	
Tùy chọn hiệu chuẩn	Có	
Bộ nhớ	500	1000
Dữ liệu tự động	●	●
Đồng hồ thời gian thực	—	●
Hiển thị ngày giờ	—	●
Auto Hold / Auto Stable / Real Time	●	●
Hiển thị độ dốc/ offset	●	●
Cảnh báo hiệu chuẩn (1-90 ngày)	●	●
Tự động tắt (1-30 phút)	●	●
Tình trạng điện cực	●	●
Thông báo chẩn đoán	●	●
Kết nối máy tính[1]	—	●
Kết nối máy in[2]	—	●
Kết nối	BNC, phono	
Hiển thị	Màn hình LCD đơn sắc	
Vỏ máy	IP67, chống va đập, chống xước, chống trượt	
Pin	2 pinAA	
Tuổi thọ pin	> 500 giờ	
Kích thước	DxRxC: 160 x 80 x 40/60 mm	
Trọng lượng	Khoảng 260 g (kèm pin) / 216 g (không pin)	
Cung cấp máy đo*	**PH210-K - Máy đo pH/ORP/Nhiệt độ (3200779526)** • Máy đo PH210 • Điện cực pH 9652-10D • Dung dịch chuẩn pH 4.01/7.00/10.01 (60 ml/chai) • 2 pin AA • HDSD/ Hướng dẫn nhanh/ vali	**PH220-K - Máy đo pH/ORP/Nhiệt độ (3200779527)** • Máy đo PH220 • Điện cực pH 9652-10D • Dung dịch chuẩn pH 4.01/7.00/10.01 (60 ml/chai) • 2 pin AA • HDSD/ Hướng dẫn nhanh/ vali

*Có cung cấp máy đo kèm dung dịch chuẩn pH (NIST) theo yêu cầu. Thêm hậu tố "N" part number
1 Với cáp máy tính (USB) - P/N 3200779639
2 Với cáp máy in (RS232) - P/N 3200779638

● Có — Không

Máy đo độ dẫn

Model	EC210	EC220
	EC/TDS/Res/Sal/Temp (°C/°F)	
Dải đo độ dẫn	..µS/cm to 200.0 mS/cm (k=1.0)	
Độ phân giải	0.05% toàn dải	
Độ chính xác	±0.6% toàn dải, ±1.5% toàn dải > 18.0 mS/cm	
Nhiệt độ tham chiếu	15 to 30 °C	
Hệ số nhiệt độ	0.00 to 10.00%	
Hệ số cell	0.1, 1.0, 10.0	
Các điểm hiệu chuẩn	4 điểm (Tự động) / 5 điểm (Thủ công)	
Đơn vị	S/cm, S/m (tự động)	
Dải đo TDS	..ppm to 100 ppt (hệ số TDS=0.5)	
Độ phân giải	0.01 ppm (mg/L) / 0.1 ppt (g/L)	
Độ chính xác	±0.1% toàn dải	
Đường cong TDS	Linear (0.40 to 1.00), EN27888, 442, NaCl	
Dải đo điện trở	0.000 Ω•cm to 20.0 MΩ•cm	
Độ phân giải	0.05% toàn dải	
Độ chính xác	±0.6% toàn dải, ±1.5% toàn dải > 1.80 MΩ•cm	
Dải đo độ mặn	0.0 to 100.0 ppt / 0.00 to 10.00 %	
Độ phân giải	0.1 ppt / 0.01%	
Độ chính xác	±0.2% toàn dải	
Đường con độ mặn	NaCl, nước biển	
Tùy chọn hiệu chuẩn	Có	
Dải đo nhiệt độ	-30.0 to 130.0 °C / -22.0 to 266.0 °F	
Độ phân giải	0.1 °C / °F	
Độ chính xác	± 0.5 °C / ± 0.9 °F	
Tùy chọn hiệu chuẩn	Có	
Bộ nhớ	500	1000
Dữ liệu tự động	●	●
Đồng hồ thời gian thực	—	●
Hiển thị ngày giờ	—	●
Auto Hold / Auto Stable/ Real Time	●	●
Tự động tắt (1-30 phút)	●	●
Tình trạng điện cực	●	●
Thông báo chẩn đoán	●	●
Kết nối PC[1]	—	●
Kết nối máy in[2]	—	●
Kết nối	BNC, phono	
Hiển thị	Màn hình LCD đơn sắc	
Vỏ	IP67, chống va đập, chống xước, chống trượt	
Pin	2 pin AA	
Tuổi thọ pin	> 500 giờ	
Kích thước (DxRxC)	160 x 80 x 40/60 mm	
Trọng lượng	Khoảng 260 g (kèm pin) / 216 g (không kèm pin)	
Máy đo	**EC210-K - Máy đo EC/TDS/Res/Sal/Temp (3200779528)** • Máy đo EC210 • Điện cực 9383-10D (k=1.0) • Dung dịch chuẩn độ dẫn 84 µS/cm, 1413 µS/cm, 12.88 mS/cm, & 111.8 mS/cm (60 ml/ chai) • 2 pin AA • Vali đựng • HDSD & Hướng dẫn nhanh	**EC220-K - Máy đo EC/TDS/Res/Sal/Temp (3200779529)** • Máy đo EC220 • Điện cực 9383-10D (k=1.0) • Dung dịch chuẩn độ dẫn 84 µS/cm, 1413 µS/cm, 12.88 mS/cm, & 111.8 mS/cm (60 ml/ chai) • 2 pin AA • Vali đựng • HDSD & Hướng dẫn nhanh

[1] Với cáp PC (USB) PN 3200779639
[2] Với cáp máy in (RS232) PN 3200779638

● Có — Không

Máy đo DO

Model	DO210	DO220
	DO/Temp (°C/°F)	
Dải đo DO	0.0 to 20.00 mg/L 0.0 to 200.0%	
Độ phân giải	0.01 mg/L, 0.1%	
Độ chính xác	±0.1 mg/L	
Bù nhiệt độ	0.0 to 40.0 ppt	
Bù áp suất	Có	
Loại điện cực	Galvanic tích hợp cảm biến nhiệt độ	
Các điểm hiệu chuẩn	2	
Dải đo nhiệt độ	-30.0 to 130.0 °C / -22.0 to 266.0 °F	
Độ phân giải	0.1 °C / °F	
Độ chính xác	± 0.5 °C / ± 0.9 °F	
Lựa chọn hiệu chuẩn	Có	
Bộ nhớ	500	1000
Dữ liệu tự động	●	●
Đồng hồ thời gian thực	—	●
Ngày và thời gian	—	●
Auto Hold / Auto Stable / Real Time	●	●
Tự động tắt (1-30 phút)	●	●
Tình trạng điện cực	●	●
Thông báo chẩn đoán	●	●
Kết nối PC[1]	—	●
Kết nối máy in[2]	—	●
Kết nối	BNC, phono	
Hiển thị	Màn hình LCD đơn sắc	
Vỏ	IP67, chống va đập, chống xước, chống trượt	
Pin	2 pin AA	
Tuổi thọ pin	> 500 giờ	
Kích thước (DxRxC)	160 x 80 x 40/60 mm	
Trọng lượng	Khoảng 260 g (kèm pin) / 216 g (không kèm pin)	
Cung cấp bao gồm	**DO210-K - Máy đo DO/Nhiệt độ (3200779530)** • Máy đo DO210 • 2 pin AA • Vali đựng • HDSD & hướng dẫn nhanh • Điện cực đo DO 9552-20D, cáp dài 2m	**DO220-K - Máy đo DO/Nhiệt độ (3200779531)** • Máy đo DO220 • 2 pin AA • Vali đựng • HDSD & hướng dẫn nhanh • Điện cực đo DO 9552-20D, cáp dài 2m
Cung cấp bao gồm	**DO210-K05 - Máy đo DO/Nhiệt độ (4000009167)**	**DO220-K05 - Máy đo DO/Nhiệt độ (4000009168)**

[1]Với cáp PC (USB) PN 3200779639
2Với cáp máy in (RS232) PN 3200779638

● Có — Không có

Máy đo đa thông số

Model	PC210	PC220
	pH/ORP/EC/TDS/Sal/Res/Temp (°C/°F)	
Dải đo pH	-2.00 to 16.00 pH	
Độ phân giải	0.01 pH	
Độ chính xác	±0.01 pH	
Các điểm hiệu chuẩn	USA & NIST (5 điểm), DIN (6 điểm)	
Bộ dung dịch chuẩn pH	USA, NIST, DIN	
Dải đo ORP	±2000 mV	
Độ phân giải	0.1 mV (< ±1000 mV), 1 mV (≥ ±1000mV)	
Độ chính xác	±0.3 mV (< ±1000 mV), 0.3% kết quả đọc (≥ ±1000mV)	
Tùy chỉnh hiệu chuẩn	Có	
Dải đo độ dẫn	..µS/cm to 200.0 mS/cm (k=1.0)	
Độ phân giải	0.05% toàn dải	
Độ chính xác	±0.6% toàn dải, ±1.5% toàn dải > 18.0 mS/cm	
Nhiệt độ tham chiếu	15 to 30 °C	
Hệ số nhiệt độ	0.00 to 10.00%	
Hệ số cell	0.1, 1.0, 10.0	
Các điểm hiệu chuẩn	4 điểm (tự động) / 5 điểm (thủ công)	
Đơn vị	S/cm, S/m (tự động)	
Dải đo TDS	..ppm to 100 ppt (hệ số TDS = 0.5)	
Độ phân giải	0.01 ppm (mg/L) / 0.1 ppt (g/L)	
Độ chính xác	±0.1% toàn dải	
Đường cong TDS	Linear (0.40 to 1.00), EN27888, 442, NaCl	
Dải đo điện trở	0.000 Ω•cm to 20.0 MΩ•cm	
Độ phân giải	0.05% toàn dải	
Độ chính xác	±0.6% toàn dải ±1.5% toàn dải > 1.80 MΩ•cm	
Dải đo độ mặn	0.0 to 100.0 ppt / 0.00 to 10.00 %	
Độ phân giải	0.1 ppt / 0.01%	
Độ chính xác	±0.2% toàn dải	
Đường cong độ mặn	NaCl, Nước biển	
Tùy chỉnh hiệu chuẩn	Có	
Dải đo nhiệt độ	-30.0 to 130.0 °C / -22.0 to 266.0 °F	
Độ phân giải	0.1 °C / °F	
Độ chính xác	± 0.5 °C / ± 0.9 °F	
Tùy chỉnh hiệu chuẩn	Có	
Bộ nhớ	500	1000
Dữ liệu tự động	●	●
Đồng hồ thời gian thực	—	●
Ngày & giờ	—	●
Auto Hold / Auto Stable / Real Time	●	●
Hiển thị độ dốc trung bình và Offset	●	●
Cảnh báo hiệu chuẩn (1-90 ngày)	●	●
Tự động tắt (1-30 phút)	●	●
Tình trạng điện cực	●	●
Chẩn đoán	●	●
Kết nối máy tính[1]	—	●
Kết nối máy in[2]	—	●
Đầu vào máy đo	BNC, phono	
Hiển thị	Màn hình LCD đơn sắc	
Vỏ máy	IP67, chống va đập, chống xước, chốngshock & scratch resistant, non-slip	
Pin	2 pin AA	
Tuổi thọ pin	> 500 giờ	
Kích thước (DxRxC)	160 x 80 x 40/60 mm	
Trọng lượng	Khoảng 260g (kèm pin) / 216g (không kèm pin)	
Cung cấp bao gồm*	**PC210-K - Máy đo pH/ORP/EC/TDS/Sal/Res/Temp (3200779532)** • Máy đo PC210 • Điện cực pH 9652-10D • Điện cực đo độ dẫn 9383-10D • Dung dịch chuẩn pH 4.01 & 7.00 pH và dung dịch chuẩn độ dẫn 1413 µS/cm & 12.88 mS/cm (60 ml/chai) • 2 pin AA • Bộ chuyển đổi điện cực • Vali đựng • HDSD & Hướng dẫn nhanh	**PC220-K - Máy đo pH/ORP/EC/TDS/Sal/Res/Temp (3200779533)** • Máy đo PC220 • Điện cực pH 9652-10D • Điện cực đo độ dẫn 9383-10D • Dung dịch chuẩn pH 4.01 & 7.00 pH và dung dịch chuẩn độ dẫn 1413 µS/cm & 12.88 mS/cm (60 ml/chai) • 2 pin AA • Bộ chuyển đổi điện cực • Vali đựng • HDSD & Hướng dẫn nhanh

*Có cung cấp máy đo kèm dung dịch chuẩn pH (NIST) theo yêu cầu. Thêm hậu tố "N" part number
1 Với cáp máy tính (USB) - P/N 3200779639
2 Với cáp máy in (RS232) - P/N 3200779638

● Có — Không có

Máy đo chất lượng cầm tay Series 200

Máy đo đa thông số

Model	PD210	PD220
	pH/ORP/DO/Temp (°C/°F)	
Dải đo pH	-2.00 to 16.00 pH	
Độ phân giải	0.01 pH	
Độ chính xác	±0.01 pH	
Điểm hiệu chuẩn	USA & NIST (5 điểm), DIN (6 điểm)	
Nhóm dung dịch chuẩn pH	USA, NIST, DIN	
Dải đo ORP	±2000 mV	
Độ phân giải	0.1 mV (< ±1000 mV), 1 mV (≥ ±1000mV)	
Độ chính xác	±0.3 mV (< ±1000 mV), 0.3% kết quả đọc (≥ ±1000mV)	
Tùy chọn hiệu chuẩn	Có	
Dải đo DO	0.0 to 20.00 mg/L 0.0 to 200.0%	
Độ phân giải	0.01 mg/L, 0.1%	
Độ chính xác	±0.1 mg/L	
Bù độ mặn	0.0 to 40.0 ppt	
Bù áp suất	Có	
Loại điện cực	Galvanic tích hợp cảm biến nhiệt độ	
Điểm hiệu chuẩn	2	
Dải đo nhiệt độ	-30.0 to 130.0 °C / -22.0 to 266.0 °F	
Độ phân giải	0.1 °C / °F	
Độ chính xác	± 0.5 °C / ± 0.9 °F	
Tùy chọn hiệu chuẩn	Có	
Bộ nhớ	500	1000
Dữ liệu tự động	●	●
Đồng hồ thời gian thực	—	●
Ngày và giờ	—	●
Auto Hold / Auto Stable / Real Time	●	●
Hiển thị độ dốc trung bình và Offset	●	●
Cảnh báo hiệu chuẩn (1-90 ngày)	●	●
Tự động tắt (1-30 phút)	●	●
Tình trạng điện cực	●	●
Chẩn đoán	●	●
Kết nối máy tính[1]	—	●
Kết nối máy in [2]	—	●
Kết nối	BNC, phono	
Hiển thị	Màn hình LCD đơn sắc	
Vỏ máy	IP67, chống va đập, chống xước, chống trượt	
Pin	2 pin AA	
Tuổi thọ pin	> 500 giờ	
Kích thước (DxRxC)	160 x 80 x 40/60 mm	
Trọng lượng	Khoảng 260 g (kèm pin) / 216 g (không kèm pin)	
Cung cấp bao gồm*	**PD210-K - Máy đo pH/ORP/DO/Temp (3200779534)** • Máy đo PD210 • Điện cực đo pH 9652-20D (cáp dài 2m) • Điện cực đo DO 9552-20D (cáp dài 2m) • Nhóm dung dịch chuẩn pH 4.01, 7.00, 10.01 (60ml/ chai) • 2 pin AA • Bộ chuyển đổi điện cực • Vali đựng/ HDSD/ Hướng dẫn nhanh	**PD220-K - Máy đo pH/ORP/DO/Temp (3200779535)** • Máy đo PD220 • Điện cực đo pH 9652-20D (cáp dài 2m) • Điện cực đo DO 9552-20D (cáp dài 2m) • Nhóm dung dịch chuẩn pH 4.01, 7.00, 10.01 (60ml/ chai) • 2 pin AA • Bộ chuyển đổi điện cực • Vali đựng/ HDSD/ Hướng dẫn nhanh

*Có cung cấp máy đo kèm dung dịch chuẩn pH (NIST) theo yêu cầu. Thêm hậu tố "N" part number
1 Với cáp máy tính (USB) - P/N 3200779639
2 Với cáp máy in (RS232) - P/N 3200779638

● Có — Không

Dung dịch và phụ kiện

Dung dịch chuẩn pH

Part No.	Model	Mô tả
3999960015	501-S	Bộ dung dịch chuẩn pH (NIST: 4.01, 6.86, 9.18 & 3.33M KCl, 250 ml/chai)
3999960016	502-S	Bộ dung dịch chuẩn pH (USA: 4.01, 7.00, 10.01 & 3.33 M KCl, 250 ml / chai)
3999960028	500-2	Dung dịch chuẩn pH 1.68 (500ml/chai)
3999960029	500-4	Dung dịch chuẩn pH 4.01 (500ml/chai)
3999960030	500-686	Dung dịch chuẩn pH 6.86 (500ml/chai)
3999960031	500-7	Dung dịch chuẩn pH 7.00 (500ml/chai)
3999960032	500-9	Dung dịch chuẩn pH 9.18 (500ml/chai)
3999960033	500-10	Dung dịch chuẩn pH 10.01 (500ml/chai)
3999960034	500-12	Dung dịch chuẩn pH 12.46 (500ml/chai)

Dung dịch và bột chuẩn độ dẫn

Part No.	Model	Mô tả
4000047848	500-225	Dung dịch chuẩn ORP 225mV, 500ml
3200043618	160-51	Bột chuẩn ORP (89 mV), 10 gói x 250 mL
3200043617	160-22	Bột chuẩn ORP (258 mV), 10 gói x 250 mL

Dung dịch chuẩn độ dẫn

Part No.	Model	Mô tả
3999960017	503-S	Dung dịch chuẩn độ dẫn (84 µS/cm, 1413 µS/cm, 12.88 mS/cm & 111.8 mS/cm, 250 ml/ chai)
3999960035	500-21	Dung dịch chuẩn độ dẫn 84 µS/cm, 500 ml/
3999960036	500-22	Dung dịch chuẩn độ dẫn 1413 µS/cm, 500 ml/
3999960037	500-23	Dung dịch chuẩn độ dẫn 12.88 mS/cm, 500 ml
3999960038	500-24	Dung dịch chuẩn độ dẫn 111.8 mS/cm , 500 ml

Dung dịch làm sạch điện cực

Part No.	Model	Mô tả
3014028653	220	Dung dịch làm sạch điện cực pH (2 x 50 mL)
3200530494	230	Dung dịch làm sạch mẫu vô cơ và hữu cơ Solution A (30 ml) & Solution B (100 ml)
3200366771	250	Dung dịch làm sạch protein, 400 ml

Điện cực*

Part No.	Model	Mô tả
3200786359	9652-10D	Điện cực đo pH, cáp dài 1m
3200786361	9652-20D	Điện cực đo pH, cáp dài 2m
3014046710	9300-10D	Điện cực đo ORP, cáp dài 1m
3200922105	9301-10D	Điện cực đo ORP, cáp dài 1m
3200780927	9383-10D	Điện cực đo độ dẫn, cáp dài 1m
3200780939	9552-20D	Điện cực đo DO, cáp dài 2m
3200780941	9552-50D	Điện cực đo DO, cáp dài 5m
3200781553	5402	Đầu tip thay thế điện cực đo DO 9552-20D và 9552-50D

Phụ kiện

Part No.	Model	Mô tả
3014028368	X-51	Bộ mô phỏng kỹ thuật số pH, mV, Ion, DO & Nhiệt độ
3014028370	X-52	Bộ mô phỏng kỹ thuật số độ dẫn & Nhiệt độ
3014030146	-	Máy in đạt tiêu chuẩn GLP / GMP, 120V US (dây cáp bán lẻ)
3014030147	-	Máy in đạt tiêu chuẩn GLP / GMP, 230V EU (dây cáp bán lẻ)
3200779638	-	Cáp kết nối máy đo với máy in 25-pin D-Sub (RS232) dài 1.5 m
3014030149	-	20 cuộn giấy in
3014030150	-	Mực in
3200779640	-	Thanh đỡ cho giá đỡ điện cực
3200779639	-	Cáp kết nối máy đo với PC dài 1.5m (dành cho Series 200)

Bộ dung dịch chuẩn pH (NIST) - 501-S

Bộ dung dịch chuẩn pH (USA) - 502-S

Dung dịch chuẩn ORP 225 mV

Bột chuẩn ORP

Bộ mô phỏng kỹ thuật số X-51

Bộ mô phỏng kỹ thuật số X-52

Máy in

Cáp kết nối máy đo với PC

Thanh đỡ cho giá đỡ điện cực

Cáp kết nối máy đo với máy in

Đầu tip thay thế điện cực đo DO 5402